

Số: 34/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 đối với số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 của Quốc hội;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 về vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế xã hội, đánh giá đầu tư và đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 871/TTg-KTTH ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến KHĐTCTH giai đoạn 2026-2030 đối với số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; số 20/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 66/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Lạng Sơn; số 68/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn.

Xét Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (chưa bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia) tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (chưa bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia) tỉnh Lạng Sơn: **34.290,648** tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách địa phương: 13.552,849 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 5.381,849 tỷ đồng; Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 125,0 tỷ đồng; Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 5.321,0 tỷ đồng; Nguồn thu từ phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 700,0 tỷ đồng; Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu): 1.950,0 tỷ đồng; Nguồn thu từ khấu hao tài sản nước sạch: 75 tỷ đồng.

b) Ngân sách Trung ương: 20.737,8 tỷ đồng, gồm: Vốn trong nước: 17.406,897 tỷ đồng; vốn nước ngoài: 3.330,903 tỷ đồng.

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: **8.295,776** tỷ đồng, cho 137 nhiệm vụ, dự án, trong đó:

2.1. Ngân sách địa phương: 7.758,027 tỷ đồng, phân bổ cho 134 nhiệm vụ, dự án, trong đó:

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 3.819,887 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ cho các dự án: 1.394,113 tỷ đồng, gồm: 50,835 tỷ đồng cho 39 dự án hoàn thành trước 31/12/2025; 448,213 tỷ đồng cho 48 dự án chuyển tiếp; 880,065 tỷ đồng cho 12 dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030.

- Hỗ trợ các chương trình, dự án khác: 1.558 tỷ đồng;

- Chuẩn bị đầu tư: 15 tỷ đồng;

- Bội chi ngân sách địa phương: 125,968 tỷ đồng;
- Trả nợ gốc, lãi vay: 56,606 tỷ đồng.
- Phân cấp cho cấp xã: 685,2 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 37,33 tỷ đồng cho 03 dự án chuyển tiếp;

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.840,81 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ cho các dự án: 1.294,635 tỷ đồng; gồm: 684,296 tỷ đồng cho 13 dự án chuyển tiếp; 610,339 tỷ đồng cho 08 dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030;

- Hỗ trợ các chương trình, dự án khác: 1.541,135 tỷ đồng;
- Quỹ phát triển đất: 68,445 tỷ đồng;
- Phân cấp cho cấp xã: 850,0 tỷ đồng;
- Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương năm 2026: 85,595 tỷ đồng;

d) Nguồn thu từ phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 60 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới.

2.2. Ngân sách trung ương: 537,749 tỷ đồng phân bổ cho 03 dự án chuyển tiếp.

3. Số vốn còn lại chưa phân bổ của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: **25.994,872** tỷ đồng, trong đó:

3.1. Ngân sách địa phương: 5.794,821 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.561,961 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 87,67 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.480,19 tỷ đồng.
- Nguồn thu từ phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 640 tỷ đồng.
- Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu): 1.950 tỷ đồng.
- Nguồn thu từ khấu hao tài sản nước sạch: 75 tỷ đồng.

3.2. Ngân sách Trung ương Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến: 20.200,051 tỷ đồng, trong đó:

a) Đủ điều kiện phân bổ chi tiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ: 3.335,952 tỷ đồng của 11 dự án, gồm:

- Vốn ngân sách trung ương trong nước: 2.775,144 tỷ đồng của 10 dự án, gồm:
 - + Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 2.575,144 tỷ đồng của 09 dự án, gồm: 577,452 tỷ đồng của 03 dự án chuyển tiếp (thuộc Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh) do chưa được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026-2030; 1.997,692 tỷ đồng của 06 dự án khởi công mới;
 - + Vốn cho các dự án trọng điểm, liên vùng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 200 tỷ đồng của 01 dự án khởi công mới khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Vốn nước ngoài: 560,808 tỷ đồng của 01 dự án khởi công mới.

b) Tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư: 16.864,099 tỷ đồng của 16 dự án khởi công mới, cụ thể:

- Vốn trong nước: 14.094,004 tỷ đồng của 13 dự án khởi công mới, trong đó:
+ Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 3.762,629 tỷ đồng của 07 dự án khởi công mới.

+ Vốn cho các dự án trọng điểm, liên vùng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 10.331,375 tỷ đồng của 06 dự án khởi công mới.

- Vốn nước ngoài: 2.770,095 tỷ đồng của 03 dự án khởi công mới đang lập đề xuất khoản vay.

(Chi tiết tại hệ thống kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định. Đối với số còn lại chưa phân bổ của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: **25.994,872** tỷ đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương (5.794,821 tỷ đồng): Chỉ đạo các cơ quan lập đề xuất chủ trương đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư (phê duyệt chủ trương đầu tư) theo quy định, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ khi đủ điều kiện.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương (20.200,051 tỷ đồng): Tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách Trung ương cho danh mục nhiệm vụ, dự án theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

BIỂU I.1:

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)								Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:				
				Tổng số dự án bố trí	Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước	Phân bổ chi tiết kỳ này		Phân bổ chi tiết kỳ này	Chưa phân bổ chi tiết	Trong đó		
										Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ (Nguồn NSTW)	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa đủ điều kiện phân bổ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG	359	23.417.134	206	42,6	137	34.290.648	8.295.776	25.994.872	3.335.952	22.658.920	-
	KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÔNG BAO GỒM VỐN NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG		19.778.521				34.290.648	8.295.776	25.994.872	3.335.952	22.658.920	
A.1	Vốn ngân sách địa phương	310	10.356.313	176	43,2	134	13.552.848	7.758.027	5.794.821	-	5.794.821	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	224	3.910.399	120	46,4	106	5.381.848	3.819.887	1.561.961	-	1.561.961	
	Trong đó:											
a	Phân bổ cho các dự án	124	2.171.706	114		100	2.562.430	1.394.113	1.183.317		1.183.317	Chi tiết tại biểu I.2
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2025	70	409.984	39		39	50.835	50.835	-		-	
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	23	756.104	48		48	448.213	448.213	-		-	
	Trong đó: Dự án Quy hoạch	1	37.072						-			
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	31	1.005.618	27		13	2.063.382	880.065	1.183.317		1.183.317	
b	Chuẩn bị đầu tư		19.000	-			15.000	15.000	-		-	
c	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	13	992.094	6		6	1.763.587	1.558.000	205.587		205.587	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG		120.000				200.000	200.000	-		-	
d	Bội chi ngân sách địa phương/Bội thu ngân sách địa phương		59.800				125.968	125.968	-		-	

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)								Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:				
				Tổng số dự án bố trí	Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước	Phân bổ chi tiết kỳ này		Phân bổ chi tiết kỳ này	Chưa phân bổ chi tiết	Trong đó		
										Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ (Nguồn NSTW)	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa đủ điều kiện phân bổ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
d	Trả nợ gốc, lãi vay		95.270				56.606	56.606	-		-	
e	Phân cấp cho cấp dưới	81	571.000				685.200	685.200	-		-	
g	Dự phòng		1.529				173.058	-	173.058		173.058	
2	Đầu tư từ thu xổ số kiến thiết	6	67.000	5	16,7	3	125.000	37.330	87.670	-	87.670	-
-	Phân cấp cho cấp dưới		11.000						-			
-	Phân bổ cho các dự án		56.000	5		3	125.000	37.330	87.670		87.670	Chi tiết tại biểu I.2
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030			3		3	37.330	37.330	-		-	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	6	56.000	2		-	87.670	-	87.670		87.670	
3	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	70	5.342.464	41	42	24	5.321.000	3.840.810	1.480.190	-	1.480.190	
a	Phân bổ cho các dự án	60	1.063.257	35	41,7	21	1.928.031	1.294.635	633.396		633.396	Chi tiết tại biểu I.2
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2025	16	182.452						-			
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	12	219.008	13		13	684.296	684.296	-		-	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	17	340.361	22		8	1.243.735	610.339	633.396		633.396	
b	Phân cấp cho cấp dưới		2.777.768				850.000	850.000	-		-	
c	Quỹ phát triển đất		269.142				68.445	68.445	-		-	
d	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	10	1.231.025	6		3	2.283.132	1.541.135	741.997		741.997	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG		153.000				688.345	688.345	-		-	
d	Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương		636				86.595	86.595	-		-	

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)								Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:				
				Tổng số dự án bố trí	Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước	Phân bổ chi tiết kỳ này		Phân bổ chi tiết kỳ này	Chưa phân bổ chi tiết	Trong đó		
										Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ (Nguồn NSTW)	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa đủ điều kiện phân bổ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030		3.515.421									Có hồ sơ Nghị quyết phân bổ riêng
-	Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035											
-	Chương trình MTQG phòng chống ma túy đến năm 2030											
-	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 – 2035											
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035											
b	Vốn sự nghiệp chuyển sang đầu tư (cơ chế đặc thù)		123.192									
2	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	40	4.356.020	19	52,5	3	6.875.522	537.749	6.337.773	2.575.144	3.762.629	
	- Dự án hoàn thành trước 31/12/2025	20	459.264	-								Chi tiết tại biểu I.3, I.3a
	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	1	34.820									
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	5	1.512.360	6		3	1.115.201	537.749	577.452	577.452	-	
	Trong đó: Đối ứng ODA	1	65.385									
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	14	2.259.011	13			5.760.321	-	5.760.321	1.997.692	3.762.629	
3	Dự án có tính chất lan tỏa (Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững) và dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1	3.500.000	7		-	10.531.375		10.531.375	200.000	10.331.375	
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030			-			-		-	-		
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030			7			10.531.375		10.531.375	200.000	10.331.375	

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)								Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:				
				Tổng số dự án bố trí	Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước	Phân bổ chi tiết kỳ này		Phân bổ chi tiết kỳ này	Chưa phân bổ chi tiết	Trong đó		
										Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ (Nguồn NSTW)	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa đủ điều kiện phân bổ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
II	Vốn nước ngoài (ODA)	8	1.566.188	4	50,0		3.330.903		3.330.903	560.808	2.770.095	Chi tiết tại biểu I.4, bao gồm cả các dự án đang đề xuất dự án
1	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	7	1.286.188	-								
2	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	1	280.000	4			3.330.903		3.330.903	560.808	2.770.095	

BIỂU L2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		137				30.049.115	12.784.845	3.700.576	1.276.572	11.146.415	7.758.027			
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		108				16.886.895	6.583.860	2.123.185	574.515	6.313.061	3.819.887			
I	Giao thông		5				866.882	466.882	544.772	127.797	339.085	339.085			
(2)	Dự án chuyển tiếp		2				583.881	183.881	544.772	127.797	56.084	56.084			
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18 huyện Đình Lập	B	Đình Lập	10,473km đường cấp III	2023-2026	44/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2086/QĐ-UBND ngày 03/01/2023, số 204/QĐ-UBND ngày 30/1/2026	373.794	123.794	334.685	84.685	39.109	39.109	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Kết nối giữa thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn) với thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), rút ngắn quãng đường và hành trình di chuyển (khoảng 30km), tăng cường liên kết vùng, phát triển du lịch dịch vụ, nâng cao năng lực sản xuất, phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh.	
2	Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp Hữu Lũng	B	Hữu Lũng	Tận dụng, giữ nguyên cầu vượt đường cao tốc và các nhánh N1, N2, kéo dài nhánh N3 vào khu công nghiệp Hữu Lũng. Xây dựng mới các nhánh N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10.Dỡ bỏ các nhánh N4, N5 cũ.	2023-2026	560/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 1651/QĐ-UBND ngày 20/9/2024; 2535/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	210.087	60.087	210.087	43.112	16.975	16.975	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Hoàn chỉnh đường vào Khu công nghiệp Hữu Lũng nhằm từng bước xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hữu Lũng, đáp ứng nhu cầu đi lại về giao thông, vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		3				283.001	283.001	-	-	283.001	283.001			
1	Đầu tư xây dựng cầu Cửa Nam	C	phường Lương Văn Tri và phường Đồng Kinh	158m, B=17m	2026-2029	1084/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	157.383	157.383			157.383	157.383	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Phát triển mạng lưới giao thông đô thị, tạo điểm nhấn kiến trúc, cảnh quan trong đô thị và động lực lan tỏa cho không gian đô thị trung tâm của các phường	
2	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km22+600 - Km24+600 và đoạn Km33+400-Km35+800 đường tỉnh ĐT.235B (Kỳ Lừa - Công Sơn - Ba Sơn)	C	xã Ba Sơn	Chiều dài 4,4Km. Quy mô đường cấp VI miền núi.	2026-2028	1222/QĐ-UBND ngày 03/7/2026	19.961	19.961			19.961	19.961	UBND xã Ba Sơn	Phát triển kinh tế - xã hội cho 10.567 nhân khẩu sinh sống trên địa bàn, tiếp cận khu di tích Ba Sơn và 03 xã an toàn khu	Kiến nghị cử tri. Tên cũ: Đường ĐH.21 (Cao Lâu - Xuất Lễ), huyện Cao Lộc (Dự án cấp tỉnh quản lý, UBND xã thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Đường kết nối từ QL.1A đến Trường chính trị Hoàng Văn Thụ	B	phường Đồng Kinh	Chiều dài 2,14Km. Quy mô đường cấp III	2027-2030	525/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	105.657	105.657			105.657	105.657	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đáp ứng nhu cầu đi lại, liên kết vùng; kết nối thuận tiện với Trường chính trị Hoàng Văn Thụ xây dựng mới trong giai đoạn 2026-2030. Tạo tiền đề phát triển đô thị, mở rộng thành phố Lạng Sơn sang phía Đông.	Đường vào trường HVT mới, tên tại NQ46: Đường kết nối từ Khu đô thị Mai Pha đến QL.4B (Đoạn từ Km5+200 QL.4B đến Trường chính trị Hoàng Văn Thụ)
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			12			3.710.620	630.705	218.100	-	610.605	460.605			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030			4			1.368.752	63.171	218.000	-	63.171	63.171			
1	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn	B	Xã Kiên Mộc	Quy mô 30 lớp, đáp ứng 1.050 học sinh, đầy đủ công trình giáo dục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	2025-2026	2704/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	344.592	15.196	69.600		15.196	15.196	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
2	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh	B	Xã Quốc Khánh	Gồm khối phòng học, phòng hỗ trợ học tập, khu nội trú, khu phục vụ sinh hoạt, thể thao và HT-KT đồng bộ.	2025-2026	2705/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	350.445	19.266	51.100		19.266	19.266	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
3	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn	B	Xã Khuất Xá	36 lớp, đáp ứng 1.260 học sinh, đầy đủ công trình giáo dục, sinh hoạt, thể thao và hạ tầng kỹ thuật.	2025-2026	2703/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	283.567	10.048	47.200		10.048	10.048	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
4	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn	B	Xã Mẫu Sơn	Gồm khối học tập, sinh hoạt nội trú, thể thao, hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ.	2025-2026	2706/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	390.148	18.661	50.100		18.661	18.661	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030			8			2.341.868	567.534	100	-	547.434	397.434			
	Đổi ứng 7 Công trình Trường liên cấp			7			2.126.554	352.220	-	-	332.220	332.220			
1	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Ba Sơn		xã Ba Sơn				325.634	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	Đã dự kiến bổ tri trước 20 tỷ đồng từ nguồn tăng thu triển khai thực hiện cho 07 trường
2	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Cao Lộc		xã Cao Lộc				272.974	50.820			47.820	47.820	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
3	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Đồng Đăng		xã Đồng Đăng				387.872	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
4	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Kháng Chiến		xã Kháng Chiến				240.976	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
5	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Hoàng Văn Thụ		xã Hoàng Văn Thụ				383.622	53.900			50.900	50.900	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Thụy Hùng		xã Thụy Hùng				257.738	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
7	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Quốc Việt		xã Quốc Việt				257.738	49.500			47.500	47.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
	Danh mục dự án khác		1				215.314	215.314	100	-	215.214	65.214			
1	Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Cải tạo, nâng cấp 10 trường THPT	2027-2030	785/QĐ-UBND ngày 01/5/2026	215.314	215.314	100		215.214	65.214	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung đảm bảo đủ điều kiện về CSVC để công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2027.	
V	Quốc phòng		1				10.000	10.000	-	-	10.000	10.000			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				10.000	10.000	-	-	10.000	10.000			
1	Xây dựng Tổ công tác Quốc Khánh điểm cao 820/ Đồn biên phòng Pò Mã	C	xã Quốc Khánh	Xây dựng công trình doanh trại 2 tầng	2027-2029	79/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	10.000	10.000			10.000	10.000	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Đảm bảo sinh hoạt chi chiến sĩ	
VII	Quy hoạch		1				12.362	12.362	2.550	50	9.812	9.812			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		1				12.362	12.362	2.550	50	9.812	9.812			
1	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, thời kỳ 2021-2030	C	tỉnh Lạng Sơn				12.362	12.362	2.550	50	9.812	9.812	Sở Tài chính	Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh 05 năm/ lần theo quy định	Huỷ DT 2025: 3,5 tỷ
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		7				10.220.776	4.020.776	1.046.652	446.668	3.278.054	1.558.000			
1	Hỗ trợ Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2026-2030		Tỉnh Lạng Sơn		2026-2030	2866/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	678.731	678.731			678.731	300.000	Sở Xây dựng	Giai đoạn 2026-2030 phần đầu rải nhựa hoặc bê tông đường xã thêm được 500km, nâng tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đến hết năm 2030 đạt 2.652km/2.732km; Phần đầu giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km đường đến trung tâm thôn, tương ứng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hoá thêm được tối thiểu 50 thôn, nâng tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.455/1.515 thôn.	
2	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường				2026-2030		25.000	25.000			25.000	25.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường		24/BC-QBVMT ngày 10/7/2024
3	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh				2026-2028		18.000	18.000			18.000	18.000	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		Đang xây dựng đề án
4	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh				2026-2028	1158/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	15.000	15.000			15.000	15.000	Liên minh Hợp tác xã		05 tỷ /năm đến năm 2028
5	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội				2026-2030	915/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	500.000	500.000			500.000	500.000	Sở Nội vụ	Định hướng tỷ lệ ủy thác NSDP qua NHCSXH 15-20% tăng trưởng tín dụng của NHCSXH (Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023)	
6	Đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia				2026-2030		784.045	784.045	-	-	784.045	200.000			02 nguồn

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030						484.045	484.045			484.045	100.000			
-	Các Chương trình MTQG khác						300.000	300.000			300.000	100.000			
7	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	A	Nhân Lý, Đông Kinh, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Đồng Đăng, Hoàng Văn Thụ	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000	1.046.652	446.668	1.257.278	500.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cầu nối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hải Phòng - Quảng Ninh, nhằm tạo ra hành lang kinh tế xuyên Á, tạo lợi thế để Việt Nam là cửa ngõ giao lưu thương mại với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; góp phần liên kết, phát triển nhanh các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn như công nghiệp, du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa; thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tạo động lực để tỉnh Lạng Sơn phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và trở thành một trong các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	Số tầng quy mô: 2.700 tỷ đề xuất NSTW hỗ trợ từ nguồn ngoài KH ĐTC
IX	Bố trí cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp từ cấp huyện chuyển về		81				369.981	369.981	-	-	369.981	369.981	Các chủ đầu tư cấp tỉnh (có dự án huyện chuyển về)		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		39				50.835	50.835			50.835	50.835			Chi tiết tại Biểu II
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		42				319.146	319.146			319.146	319.146			
X	Đối ứng dự án ODA		1				813.500	190.380	311.111	-	812.750	189.630			
a	Xã hội		1				813.500	190.380	311.111	-	812.750	189.630			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				813.500	190.380	311.111	-	812.750	189.630			
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản	B	tỉnh Lạng Sơn	Gồm 06 tiểu dự án: 02 tiểu dự án giao thông: cải tạo, nâng cấp khoảng 31,2 km đường giao thông theo tiêu chuẩn đường cấp Cấp VI TCVN 4054: 2005; 04 tiểu dự án thủy lợi	2022-2025 (dự kiến điều chỉnh 2026-2029)	576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022	813.500	190.380	311.111		812.750	189.630	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Nâng cao và nhân rộng năng lực chống chịu biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Kết nối giao thông, tạo liên kết vùng có sức lan tỏa tới các xã vùng sâu, vùng xa, thông qua việc cải tạo, nâng cấp khoảng 31,2km đường giao thông	
XI	Trả nợ gốc, lãi vay						56.606	56.606			56.606	56.606			Lấy tương đương giai đoạn trước
XII	Bội chi NSDP						125.968	125.968			125.968	125.968			Lấy tương đương giai đoạn trước

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XIII	Phân cấp cho cấp xã						685.200	685.200			685.200	685.200			Chi tiết tại Biểu 1.2a kèm theo
XIV	Chuẩn bị đầu tư						15.000	15.000			15.000	15.000			
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		25				12.962.809	6.001.773	1.548.980	675.607	4.736.024	3.840.810			
I	Giao thông		6				1.120.829	716.821	438.857	181.208	512.660	512.660			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		6				1.120.829	716.821	438.857	181.208	512.660	512.660			
1	Dự án Đường Lũng Vài - Bình Độ -Tân Minh đoạn từ Km12 - Km20	C	xã Kháng Chiến	7,5km	2024-2026	2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	40.720	40.720	15.920	15.920	24.800	24.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Đầu tư hoàn chỉnh toàn tuyến ĐT.229 nhằm đáp ứng được nhu cầu đi lại của Nhân dân, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực các xã Quốc Việt, Trung Thành, Tân Minh thuộc huyện Tràng Định và khu vực lân cận, tạo thuận lợi cho việc tuần tra bảo vệ đường biên mốc giới của lực lượng Biên phòng, đảm bảo quốc phòng an ninh.	
2	ĐH.46 Cồn Quan - Pò Khoang xã Đình Lập	C	Đình Lập	Tổng chiều dài tuyến mới là 6,43Km, quy mô đường cấp B miền núi	2024-2025	1882/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 972/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	22.000	22.000	19.600	19.600	2.400	2.400	UBND xã Đình Lập	Nâng cao khả năng khai thác của tuyến đường, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, kết nối có hiệu quả với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực	Bổ sung hụt thu SDD 2025: 2,4 tỷ đồng
3	Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài)	C	TPLS	Tổng chiều dài 466,23m	2018-2025	2534/ QĐ-UBND ngày 12/12/2018; 2792/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 566/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 1873/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; 1066/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	26.526	26.526	16.076	10.688	5.150	5.150	UBND phường Đồng Kinh	Tạo thuận lợi cho việc kết nối hạ tầng giao thông giữa Khu tái định cư với đường Lê Đại Hành, phát huy hiệu quả đầu tư Khu tái định cư, góp phần chỉnh trang đô thị, đồng thời tạo được quỹ đất tái định cư, dân cư dọc hai bên đoạn tuyến.	Bổ sung hụt thu SDD 2025: 5,15 tỷ đồng
4	Đường giao thông Khu công nghiệp Đồng Bành (giai đoạn 2)	C	Chi Lăng	Quy mô xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị, tổng chiều dài các tuyến 1.647,36m	2016-2025	1233/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 308a ngày 25/2/2017; 937/QĐ-UBND ngày 19/5/2020; 16/NQ-HĐND ngày 30/5/2024	91.603	17.770	50.588	-	6.105	6.105	UBND xã Chi Lăng	Thúc đẩy và hình thành khu công nghiệp, thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư, xây dựng nhà máy trong khu công nghiệp, chuẩn bị tốt cho công tác xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào khu công nghiệp Đồng Bành	Bổ sung hụt thu SDD 2025: 6,105 tỷ đồng
5	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	B	xã Bình Gia, Hồng Phong	21,9 km cấp VI miền núi	2023-2026	46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	249.667	169.742	160.225	35.000	134.442	134.442	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn Bình Gia, thị tứ Văn Mịch, mở rộng mạng lưới đường giao thông đô thị, tạo lập khu dân cư mới và quỹ đất ở tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn huyện, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Bổ sung hụt thu SDD 2025: 45 tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: sách địa phương (NSDP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	B	phường Đồng Kinh	24,51 ha. Trong đó: diện tích phạm vi 1 rộng 13,06 ha; diện tích phạm vi 2 thuộc dự án rộng 11,45 ha	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	440.063	176.448	100.000	339.763	339.763	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn Bình Gia, thị tứ Văn Mịch, mở rộng mạng lưới đường giao thông đô thị, tạo lập khu dân cư mới và quỹ đất ở tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn huyện, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Bổ sung hựt thu SDD 2025: 50 tỷ đồng
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		1				215.314	215.314	100	-	215.214	150.000			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				215.314	215.314	100	-	215.214	150.000			
1	Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Cải tạo, nâng cấp 10 trường THPT	2027-2030	785/QĐ-UBND ngày 01/5/2026	215.314	215.314	100		215.214	150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung đảm bảo đủ điều kiện về CSVC để công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2027.	
IV	Khoa học, công nghệ		1				63.671	63.471	-	-	63.471	63.471			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				63.671	63.471	-	-	63.471	63.471			
1	Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật	C	phường Lương Văn Tri	4,97ha. Xây dựng khu thực nghiệm, cơ sở vật chất, thiết bị.	2027-2028	2302/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	63.671	63.471	-		63.471	63.471	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
V	Văn hóa		2				43.577	43.577	13.599	13.599	29.978	29.978			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		2				43.577	43.577	13.599	13.599	29.978	29.978			
1	Khối biểu tượng Chiến thắng 17/10 tại vườn hoa 17/10 thành phố Lạng Sơn	C	phường Đồng Kinh	Khối biểu tượng có đường kính D=12m, diện tích xây dựng 113,1m2; Tổng chiều cao khối biểu tượng 12,6m, nhân vật cao trung bình 3,5-3,9m	2025-2026	1909/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	33.728	33.728	9.000	9.000	24.728	24.728	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tạo dựng vẻ đẹp mỹ quan đô thị thành phố, kết hợp với cầu Kỳ Cùng, đền Kỳ Cùng, khuôn viên Vườn hoa 17/10, tạo thành điểm nhấn cảnh quan văn minh, hiện đại, xanh sạch đẹp giữa trung tâm thành phố. Phát huy giá trị đầu tư, tôn vinh Chiến thắng lịch sử ngày 17/10/1950 ngày giải phóng thị xã Lạng Sơn.	
2	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Đồng Đăng	Các hạng mục: Đại Đình, sân trước Đình, đường dẫn từ nhà bia Thủy Môn Đình đến sân trước Đình, tường rào bao quanh di tích và hệ thống biển chỉ dẫn, khu vệ sinh	2024-2026	401/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	9.849	9.849	4.599	4.599	5.250	5.250	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khẳng định giá trị lịch sử, chủ quyền lãnh thổ nơi biên cương của Tổ quốc, tương xứng với xếp hạng di tích quốc gia, từng bước hình thành quần thể công trình quy mô lớn xứng đáng là "cột mốc lịch lịch sử - văn hóa" nơi biên cương tổ quốc phục vụ hiệu quả nhiệm vụ kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa của đất nước, của tỉnh	
VI	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		6				429.926	212.083	44.838	38.704	167.245	167.245			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		2				80.463	80.463	44.838	38.704	35.625	35.625			
1	Trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	C	Đồng Đăng		2023-2025	430/QĐ-UBND ngày 25/3/2016, 1372/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	36.576	36.576	34.484	28.350	2.092	2.092	Công an tỉnh		Hựt thu SDD 2025: 2,092 tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	C	phường Đồng Kinh		2025-2027	27/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	43.887	43.887	10.354	10.354	33.533	33.533	Công an tỉnh		
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		4				349.463	131.620	-	-	131.620	131.620			
1	Trụ sở làm việc Đại đội Cảnh sát cơ động chính quy và Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động dự bị chiến đấu thuộc Công an tỉnh Lạng Sơn	B	phường Kỳ Lừa		2026-2030	20/QĐ-BCA-H01 ngày 05/01/2026; 3863/QĐ-BCA-H02 ngày 19/6/2026	238.843	21.000			21.000	21.000	Công an tỉnh	Bảo đảm Đề án số 11/ĐA-BCA-K02 ngày 05/5/2023 của Bộ Công An về xây dựng lực lượng cơ động	NSDP đối ứng GPMB và 5% xây lắp
	Danh mục dự án khác		3				110.620	110.620	-	-	110.620	110.620			
1	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Lộc Bình	C	xã Na Dương	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	43/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	33.670	33.670			33.670	33.670	Công an tỉnh	Bảo đảm an toàn PCCC các xã trong khu vực	
2	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Thất Khê	C	xã Thất Khê	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	20/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	32.500	32.500			32.500	32.500	Công an tỉnh	Bảo đảm an toàn PCCC các xã trong khu vực	
3	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Hữu Lũng	C	xã Hữu Lũng	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	21/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	44.450	44.450			44.450	44.450	Công an tỉnh	Bảo đảm an toàn PCCC các xã trong khu vực	
VII	Khu công nghiệp và khu kinh tế		1				118.761	118.521	240	-	118.521	118.521			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				118.761	118.521	240	-	118.521	118.521			
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Na Dương 1, 2, 3	C	xã Na Dương	0,7Km, Cấp III	2026-2028	636/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	118.761	118.521	240		118.521	118.521	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối vào các Cụm Công nghiệp Na Dương 1,2,3	
VIII	Công trình công cộng tại các đô thị		4				411.776	411.776	173.842	173.842	227.933	227.933			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		2				265.048	265.048	173.842	173.842	81.206	81.206			
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ Khách sạn Đồng Kinh đến Đèn Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng	C	phường Đồng Kinh	16.532m2	2025-2027	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	51.618	51.618	610	610	41.008	41.008	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Tạo không gian xanh phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, đồng thời phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, giải quyết nhu cầu giao thông, đỗ xe trong khu vực trung tâm đô thị. Dự án hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng sống cho người dân đô thị, phát triển không gian xanh, hạ tầng đô thị đồng bộ, thúc đẩy phát triển du lịch – dịch vụ gắn với khai thác hiệu quả quỹ đất công	Hạt thu SDD 2025: 19,49 tỷ đồng (đã trừ 10 tỷ dự kiến tăng thu)
2	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	B	Hữu Lũng	22,24ha	2022-2025	35/NQ-HĐND ngày 28/9/2021; 781/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	213.430	213.430	173.232	173.232	40.198	40.198	UBND xã Hữu Lũng	Đầu tư xây dựng khu tái định cư và dân cư để bố trí tái định cư, tạo điều kiện về đất ở, ổn định đời sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hữu Lũng và cho các dự án khác trên địa bàn huyện Hữu Lũng.	Bổ sung hạt thu SDD 2025: 40,198 tỷ đồng
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		2				146.728	146.728	-	-	146.727	146.727			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Công viên trung tâm Lương Văn Tri và Bãi xe công cộng (bổ sung hạng mục công viên từ Trung tâm hành chính công đến nhà khách Tỉnh ủy)	B	phường Lương Văn Tri	S=8.521m2	2026-2028	360/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	128.728	128.728			128.727	128.727	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung thêm không gian cây xanh và công viên công cộng phục vụ cho nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao của nhân dân, các sự kiện của các cấp chính quyền không chỉ nâng cao chất lượng môi trường không khí, giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, mà còn tạo môi trường sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về không gian công cộng, tăng cường kết nối xã hội.	
2	Khu tái định cư xã Na Dương	C	xã Na Dương	2ha	2027-2029	886/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	18.000	18.000			18.000	18.000	UBND xã Na Dương	Tạo quỹ đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi các dự án Cụm Công nghiệp Na Dương 1, 2, 3 và các dự án khác trên địa bàn xã Na Dương. Góp phần ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho các hộ dân bị thu hồi đất, đồng thời tạo quỹ đất ở có hạ tầng đồng bộ, lâu dài, phục vụ công tác bố trí dân cư theo quy hoạch, thúc đẩy phát triển đô thị và công nghiệp khu vực Na Dương	
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		1				38.000	38.000	13.173	2.200	24.827	24.827			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		1				38.000	38.000	13.173	2.200	24.827	24.827			
1	Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia	C	xã Bình Gia	05 tầng + 01 tầng bán hầm	2024-2026	968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	38.000	38.000	13.173	2.200	24.827	24.827	UBND xã Bình Gia	Đáp ứng nhu cầu sử dụng, tiếp tục nâng cao chất lượng công việc và cải cách hành chính phục vụ tốt nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình Gia là xã trung tâm của khu vực huyện Bình Gia cũ. Hoàn thiện cơ sở vật chất cho Trụ sở UBND xã Bình Gia với các hạng mục phụ trợ hoàn thiện, đầu nối hạ tầng kỹ thuật trụ sở với hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh, giao thông nội bộ với giao thông tiếp cận từ phía ngoài trụ sở, đầu nối cấp điện, cấp thoát nước đảm bảo đầy đủ, ổn định và tiết kiệm chi phí.	
X	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		3				9.515.915	3.177.171	864.331	266.054	2.371.135	1.541.135			
1	Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chính lý hồ sơ địa chính thường xuyên						227.570	88.826	151.609	-	25.512	25.512	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cần bổ tri theo tỷ lệ quy định	10% số vốn cấp tỉnh quản lý
-	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn					chuyển tiếp	72.455	42.291	32.372		17.000	17.000			Hụt thu SDD 2025
-	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính 33 xã thuộc các huyện Cao Lộc, Tràng Định và Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn					chuyển tiếp	155.115	46.535	119.237		8.512	8.512			Hụt thu SDD 2025
2	Đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia				2026-2030		888.345	888.345	-	-	888.345	688.345			02 nguồn

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030						484.045	484.045			484.045	384.045			
-	Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035						104.300	104.300			104.300	104.300			
-	Các Chương trình MTQG khác						300.000	300.000			300.000	200.000			
	Trong đó, dự kiến bổ tri cho các trường công nhận lại đạt chuẩn										100.000	100.000			Dự kiến theo kết luận họp UBND tỉnh
3	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	A	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000	712.722	266.054	1.257.278	757.278	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cầu nối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hải Phòng - Quảng Ninh, nhằm tạo ra hành lang kinh tế xuyên Á, tạo lợi thế để Việt Nam là cửa ngõ giao lưu thương mại với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; góp phần liên kết, phát triển nhanh các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn như công nghiệp, du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa; thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tạo động lực để tỉnh Lạng Sơn phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và trở thành một trong các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	Bổ sung hụt thu SDD 2025: 303,930 tỷ (đã trừ 30 tỷ dự kiến tăng thu)
4	Hỗ trợ các chính sách đầu tư giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lạng Sơn		Tỉnh Lạng Sơn		2026-2030	02/2026/NQ-HĐND ngày 26/3/2026	200.000	200.000			200.000	70.000	Sở Tài chính tham mưu phân bổ		Giao trước phần hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND, các chính sách khác chưa phê duyệt Đề án
XI	Phân cấp cho cấp xã						850.000	850.000			850.000	850.000			Cần xác định chính xác số thu các xã, trước mắt ước khoảng 13 tỷ/xã
XII	Quỹ phát triển đất						68.445	68.445			68.445	68.445			Dự kiến sửa đổi Nghị quyết về tỷ lệ trích quỹ, dư quỹ hiện nay: 363,805 tỷ đồng, đề xuất trước mắt bổ tri bảo đảm dư quỹ 500 tỷ đồng điều hành trong năm

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 phân bổ kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XIII	Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương						86.595	86.595			86.595	86.595			
C	ĐẦU TƯ TỪ THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT		3				64.480	64.280	28.411	26.450	37.330	37.330			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		3				64.480	64.280	28.411	26.450	37.330	37.330			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		3				64.480	64.280	28.411	26.450	37.330	37.330			
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa	Nhà lớp học cao 4 tầng, Bể nước ngầm, Tường rào, kê đá	2025-2027	611/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	34.580	34.580	10.250	10.000	24.330	24.330	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Ưu tiên đầu tư cho trường đủ 40 lớp học; đủ các phòng học bộ môn yêu cầu; xây mới thư viện đạt chuẩn. Mở rộng đất trường và quy hoạch xây dựng tổng mặt bằng hợp lý phù hợp với quy hoạch, ưu tiên sân thể thao, bãi tập cho học sinh phát triển về thể chất	
2	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Lộc Bình	C	xã Lộc Bình	Xây mới nhà lớp học bộ môn, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 655m2;	2024-2026	1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2022; 1887/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	15.000	15.000	7.961	6.450	8.300	8.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường THPT Lộc Bình nhằm hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất đối với trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương	
3	Cải tạo, nâng cấp điểm trường Cơ Khí, Trường Tiểu học 2 thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	C	Xã Chi Lăng	Khối nhà lớp học 03 tầng, Nhà đa năng, cao 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2025-2027	614/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	14.900	14.700	10.200	10.000	4.700	4.700	UBND xã Chi Lăng	Đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới trường học, nâng cao chất lượng dạy và học; hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất để phấn đấu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2026	
D	NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CỬA KHÁU		1				134.931	134.931	-	-	60.000	60.000			
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		1				134.931	134.931	-	-	60.000	60.000			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				134.931	134.931	-	-	60.000	60.000			
1	Xây dựng mới Trường THPT Thống Nhất	B	xã Thống Nhất	Quy mô 36 lớp cấp THPT	2029-2031	1214/QĐ-UBND ngày 02/7/2026	134.931	134.931			60.000	60.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Thống Nhất theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về cơ sở vật chất trường học; góp phần hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh, bảo đảm điều kiện học tập cho học sinh trên địa bàn xã Thống Nhất và các khu vực lân cận, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương	

BIỂU I.2a**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ) GIAI ĐOẠN 2026-***(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: triệu đồng.*

STT	Địa phương	Nguồn ngân sách địa phương (vốn đầu tư trong <u>cân đối theo tiêu chí</u>) giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Tổng số	685.200	
1	Xã Hữu Lũng	10.976	
2	Xã Tuấn Sơn	10.275	
3	Xã Cai Kinh	7.473	
4	Xã Hữu Liên	8.874	
5	Xã Vân Nham	10.041	
6	Xã Thiện Tân	9.808	
7	Xã Yên Bình	10.135	
8	Xã Tân Thành	10.508	
9	Xã Chi Lăng	11.209	
10	Xã Nhân Lý	9.621	
11	Xã Chiến Thắng	10.742	
12	Xã Quan Sơn	8.921	
13	Xã Bằng Mạc	9.341	

14	Xã Vạn Linh	10.742	
15	Phường Đông Kinh	14.712	
16	Phường Tam Thanh	11.676	
17	Phường Lương Văn Tri	10.508	
18	Phường Kỳ Lừa	13.544	
19	Xã Ba Sơn	11.396	
20	Xã Công Sơn	9.621	
21	Xã Đồng Đăng	12.844	
22	Xã Cao Lộc	10.228	
23	Xã Lộc Bình	11.209	
24	Xã Na Dương	13.311	
25	Xã Thống Nhất	11.629	
26	Xã Mẫu Sơn	10.882	
27	Xã Lợi Bắc	9.061	
28	Xã Xuân Dương	9.808	
29	Xã Khuất Xá	10.508	
30	Xã Đình Lập	8.874	
31	Xã Châu Sơn	9.668	
32	Xã Thái Bình	11.209	
33	Xã Kiên Mộc	11.396	

34	Xã Hoàng Văn Thụ	11.910	
35	Xã Hội Hoan	10.462	
36	Xã Văn Lãng	9.341	
37	Xã Thụy Hùng	10.041	
38	Xã Na Sầm	9.808	
39	Xã Thất Khê	11.209	
40	Xã Kháng Chiến	10.135	
41	Xã Quốc Việt	10.368	
42	Xã Quốc Khánh	10.976	
43	Xã Tràng Định	10.555	
44	Xã Tân Tiến	9.948	
45	Xã Đoàn Kết	10.368	
46	Xã Yên Phúc	11.536	
47	Xã Tri Lễ	12.610	
48	Xã Khánh Khê	11.489	
49	Xã Văn Quan	9.574	
50	Xã Tân Đoàn	10.508	
51	Xã Diêm He	10.135	
52	Xã Bình Gia	10.088	
53	Xã Tân Văn	9.995	

54	Xã Hồng Phong	10.415	
55	Xã Thiện Thuật	10.649	
56	Xã Thiện Long	10.322	
57	Xã Hoa Thám	10.415	
58	Xã Thiện Hòa	10.602	
59	Xã Quý Hòa	10.368	
60	Xã Bắc Sơn	10.508	
61	Xã Hưng Vũ	10.182	
62	Xã Vũ Lăng	10.742	
63	Xã Tân Tri	9.855	
64	Xã Vũ Lễ	9.341	
65	Xã Nhất Hòa	9.995	

BIỂU L3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho các lĩnh vực													
								Tổng số							Trong đó:						
															Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15			16	17	18	18		
	TỔNG SỐ		21	16	13		14.022.722	11.417.518	718.421	385.498	9.451.951	6.875.522	537.749	6.337.773	2.575.144	3.762.629					
1	Giao thông		9	5	3		7.397.271	6.955.608	231.710	129.810	3.930.290	3.269.635	267.749	3.001.886	713.125	2.288.761					
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		2	2			838.072	397.559	230.560	129.810	607.512	267.749	267.749	-	-	-					
1	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	B	phường Đồng Kinh	24,51 ha	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2075/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	690.313	250.000	176.448	75.898	513.865	174.102	174.102				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	thực hiện chỉnh trang đô thị, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối với các khu vực trung tâm góp phần đưa thành phố Lạng Sơn đạt tối đa các tiêu chí đô thị loại II, từng bước nâng cao các tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị đạt đô thị loại I. Tạo lập khu dân cư mới hiện đại, có không gian, kiến trúc cảnh quan đẹp và đồng bộ cơ sở hạ tầng kết nối với các khu vực trung tâm thành phố tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt, liên hoàn, góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy phát triển khu vực phía Đông thành phố và khu vực dọc bờ sông Kỳ Cùng về phía Nam, kết nối với khu vực xã Mai Pha, khai thác có hiệu quả quỹ đất ven sông Kỳ Cùng, tiếp tục thực hiện các dự án trong tương lai, tạo nguồn lực phát triển đô thị... Đồng thời, xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tạo thêm quỹ đất ở tái định cư tại chỗ, tái định cư một số dự án khác trên địa bàn thành phố.	Số vốn giai đoạn 2026-2030 còn lại để xuất nguồn NSTW		
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	B	xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn	4,9km đường cấp III miền núi	2024-2027	NQ 43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/NQ-HĐND ngày 24/3/2022; 1908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	147.759	147.559	54.112	53.912	93.647	93.647	93.647				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	kết nối tuyến đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Khu công nghiệp Hữu Lũng và các vùng nông sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đáp ứng nhu cầu lưu thông vận chuyển hàng hóa, tạo điều kiện thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Bên cạnh đó còn kết nối các khu du lịch thuộc địa bàn 2 tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn (Khu du lịch Tây Yên Tử, Suối Mỡ, hồ Khuôn Thân, hồ Suối Nứa thuộc tỉnh Bắc Giang với các khu du lịch Hữu Liên, Yên Thịnh, Đền Bắc Lệ và các khu du lịch khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn), thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		7	3	3		6.559.199	6.558.049	1.150	-	3.322.778	3.001.886	-	3.001.886	713.125	2.288.761			Bổ trí chuẩn bị đầu tư bằng vốn GD 2021-2025		
	Nhóm công trình ưu tiên số 1		7	3	3		6.559.199	6.558.049	1.150	-	3.322.778	3.001.886	-	3.001.886	713.125	2.288.761					
1	Đường kết nối từ ĐT.234 đến QL.1, Phường Lương Văn Trĩ, Phường Đồng Kinh, tỉnh Lạng Sơn	B	phường Đồng Kinh	Quy mô 6,3 km, cấp III	2027-2030	609/QĐ-UBND ngày 01/4/2026	325.288	325.288			325.288	325.188		325.188	325.188		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Mục tiêu kết nối trực tiếp từ Km23+550 Quốc lộ 1, nút giao IC04 (ly trình Km26+00) dự án Tuyến cao tốc của khâu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT đến ĐT.234 (gần trung tâm phường Lương Văn Trĩ) có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng không gian phát triển đô thị xuống phía Tây của các phường, tăng cường thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; các phương tiện lưu thông từ khu vực Khánh Khê, Bình Gia, Bắc Sơn... đi ra QL.1 và cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng sẽ được rút ngắn xuống khoảng 10km so với hiện tại mà không phải đi cắt qua khu vực trung tâm tỉnh Lạng Sơn; góp phần giảm lưu lượng phương tiện qua trung tâm của tỉnh.	Tên tại NQ46: Đường kết nối từ ĐT.234 đến QL.1, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Phân bổ chi tiết kỳ này (Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12/6/2026)	Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa chia phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho các cấp				Trong đó:	
																				Tổng số	Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15			16	17	18			
2	Tuyến nối đường Hùng Vương – Quốc lộ 1 – Quốc lộ 4B, tỉnh Lạng Sơn	B	phường Đồng Kinh	Quy mô 8,7 km, cấp III	2027-2030	35/BC-HĐTD ngày 01/3/2026; 320/BC-SXD ngày 21/4/2026	1.418.557	1.418.457	100		1.418.457	1.418.457		1.418.457		1.418.457	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Kết nối nhanh giữa QL.1, đường sắt liên vận quốc tế và QL.4B, rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực vận tải hàng hóa. Nút giao cuối tuyến góp phần tăng hiệu quả trung chuyển giữa đường sắt - QL.1A - cảng cạn - đường cao tốc, góp phần hoàn thiện hạ tầng nhằm thu hút đầu tư vào các khu/cụm công nghiệp, dịch vụ logistics, thương mại - dịch vụ và khu dân cư tại khu vực phía Nam các phường, kết nối nhiều dự án trọng điểm đang và sẽ được triển khai trong khu vực, như: Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn, Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ, Khu du lịch Quốc gia Mẫu Sơn, cùng với các tuyến giao thông quan trọng đang được đầu tư theo hướng kết nối trực tiếp với trung tâm thành phố Lạng Sơn, góp phần kết nối và giảm tải cho nút giao Mỹ Sơn đối với lượng vận tải vào Quốc lộ 4B đảm bảo vận hành đồng bộ mạng lưới giao thông, nâng cao hiệu quả các dự án đã và đang đầu tư, đồng thời tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội	Đã trình BTV Tỉnh uỷ, dự kiến hoàn thành phê duyệt trước họp HĐND		
3	Xây dựng mới Đường kết nối từ ngã 3 nút giao đường 242 từ khu đô thị mới Hữu Lũng đến nút giao cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	B	xã Hữu Lũng, xã Vân Nham, xã Thiện Tân	Quy mô 2,1km, xây dựng 01 cầu vượt	2027-2030	837/QĐ-UBND ngày 11/5/2026	388.237	388.237			388.237	387.937		387.937	387.937		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Tuyến đường theo quy hoạch mới rộng 34m, đảm bảo giao thông kết nối cao tốc Hà Nội Lạng Sơn với khu công nghiệp VSIP. Hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng giao thông của tỉnh theo Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024; tạo ra trục giao thông mới có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại của khu vực Hữu Lũng và Trại thu phí 242 thuộc tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, rút ngắn quãng đường, thời gian vận chuyển, đồng thời mở ra không gian phát triển cho đô thị, các khu dân cư, khu cụm công nghiệp và dịch vụ thương mại dọc tuyến.	Hạ tầng kết nối KCNVSIP		
4	Cải tạo, nâng cấp đường Pác Luống - Tân Thanh và đường phục vụ xuất nhập khẩu đầu nối từ cửa khẩu Tân Thanh với khu kiểm soát Khá Phong (Trung Quốc)	B	xã Hoàng Văn Thụ	4,2km	2027-2030	85/BC-HĐTD ngày 30/7/2026	587.719	587.719			587.719	587.719		587.719		587.719	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Tăng gấp 2 lần số lần xe (từ 4 lần lên 8 lần), Giảm 30–40% thời gian vận chuyển, giảm chi phí logistics, tăng hiệu quả vận chuyển 25–40%; Hỗ trợ hoạt động XNK tăng trưởng từ 149%-278% / năm, đảm bảo việc làm và an sinhXH, đảm bảo quốc phòng an ninh.	Bổ sung mới (kiến nghị TT HĐND tỉnh). Dự kiến từ nguồn tăng thu XNK		
5	Cải tạo, nâng cấp đường Bến Bắc - Khuổi Mạ - Khánh Khê	B	phường Tam Thanh, xã Khánh Khê	14,6Km, cấp IV-MN	2029-2032	1595/TTtr-BQLDA ngày 05/6/2026	603.327	603.077	250		603.077	282.585		282.585		282.585	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Khắc phục xuống cấp, bảo đảm giao thông thông suốt, đáp ứng mục tiêu kết nối liên vùng và trục giao thông giữa Quốc lộ 1 và Quốc lộ 1B; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Giãn tiến để dễ bảo đảm khả năng cân đối		
II	Cấp nước, thoát nước		I	I	I		446.593	446.593	-	-	446.593	416.593	-	416.593	-	416.593					
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		I	I	I		446.593	446.593	-	-	446.593	416.593	-	416.593	-	416.593					
	Nhóm công trình ưu tiên số 1		I	I	I		446.593	446.593	-	-	446.593	416.593	-	416.593	-	416.593					
	Danh mục điều chỉnh quy mô, ưu tiên theo kết luận		I		I		446.593	446.593	-	-	446.593	416.593	-	416.593	-	416.593					
1	Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn các phường	B	tỉnh Lạng Sơn	Khu xử lý tập trung và hệ thống thoát	2026-2029	1323/TTtr-BQLDA ngày 09/5/2026	446.593	446.593			446.593	416.593		416.593		416.593	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Tập trung xử lý chống ngập úng trên địa bàn các phường mới, giai đoạn 2026-2030 Phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức Có tính khả thi cao Đáp ứng nhu cầu cầu người dân trên địa bàn, định hướng phát triển đô thị, thích ứng biến đổi khí hậu	Thông báo số 1511/TB-HĐND ngày 14/10/2025 (gộp chung nhiệm vụ xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Bà Triệu đến suối Lao Lỵ và hệ thống thoát nước từ Cầu Đen (khu vực chợ Giếng Vuông) ra sông Kỳ Cùng)		
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		I		I		205.000	205.000	-	-	205.000	205.000	-	205.000	205.000	-					
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		I		I		205.000	205.000	-	-	205.000	205.000	-	205.000	205.000	-					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó					
							Phân bổ chi tiết kỳ này (Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12/6/2026)	Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho cấp tỉnh												
								Tổng số							Đã hoàn thiện thủ tục đầu tư	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15			16	17	18		
1	Sửa chữa hệ thống hồ chứa trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Cải tạo, sửa chữa 16 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2027-2030	822/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	205.000	205.000			205.000	205.000	205.000	205.000	205.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa hiện trạng bị hư hỏng, xuống cấp hoặc thiếu năng lực xả lũ, trong đó tập trung ưu tiên các hồ có nguy cơ mất an toàn cao, những công trình thiết yếu, quan trọng nhằm đảm bảo nâng cao năng lực hồ chứa, đảm bảo đạt năng lực thiết kế; giảm thiểu nguy cơ về rủi ro; phòng tránh, ứng phó giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay bằng các giải pháp công trình. Cải thiện sinh kế, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân trong vùng dự án và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.	Xem xét khả năng đề xuất từ nguồn vốn ODA	
IV	Thể dục, thể thao		2	2	2		1.210.208	1.209.585	230.323	-	979.585	979.585	270.000	709.585	709.585	-				
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		1	1	1		500.300	500.000	230.000	-	270.000	270.000	270.000	-	-	-				
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (Hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng)	B	phường Đồng Kinh	29ha (nhà thi đấu đa năng; nhà ở vận động viên; nhà luyện tập; khu thể thao ngoài trời; trạm xử lý nước thải)	2024-2027	41/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 43/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	500.300	500.000	230.000		270.000	270.000	270.000	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Tổ hợp các công trình nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh cũng như của thành phố Lạng Sơn (hiện nay là các phường) trong thời gian tới, đồng thời tạo điểm nhấn kiến trúc, đáp ứng tiêu chí công trình thể dục thể thao của đô thị loại I, phần đầu xây dựng thành phố Lạng Sơn trở thành đô thị trung tâm của vùng Đông Bắc, là nơi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp vùng, giao lưu phát triển giữa Việt Nam với Trung Quốc và giữa các nước ASEAN với Trung Quốc.	Dự án chuyển tiếp	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1	1	1		709.908	709.585	323	-	709.585	709.585	-	709.585	709.585	-		Bổ trí chuẩn bị đầu tư bằng vốn GD 2021-2025		
	Nhóm công trình ưu tiên số 1		1	1	1		709.908	709.585	323	-	709.585	709.585	-	709.585	709.585	-				
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2)	B	phường Đồng Kinh	Hạng mục sân vận động trung tâm và Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật	2026-2029	1343/QĐ-UBND ngày 24/7/2026	709.908	709.585	323		709.585	709.585	709.585	709.585	709.585		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng 48ha khu thể thao đã lập quy hoạch từ giai đoạn 1, đáp ứng tiêu chí công trình thể dục thể thao của đô thị loại I, phần đầu xây dựng thành phố Lạng Sơn trở thành đô thị trung tâm của vùng Đông Bắc, là nơi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp vùng, giao lưu phát triển giữa Việt Nam với Trung Quốc và giữa các nước ASEAN với Trung Quốc.		
V	Văn hóa		1	1	1		499.093	498.093	-	-	268.093	268.093	-	268.093	-	268.093				
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1	1	1		499.093	498.093	-	-	268.093	268.093	-	268.093	-	268.093				
	Nhóm công trình ưu tiên số 1		1	1	1		499.093	498.093	-	-	268.093	268.093	-	268.093	-	268.093				
1	Cải tạo chỉnh trang khu di tích, danh thắng Nhị -Tam Thanh, phường Tam Thanh	B	phường Tam Thanh	3,433 ha gồm đầu nối hạ tầng, đường đai, bãi xe, quảng trường trung tâm, sân chơi,...	2026-2029	20/TB-HĐTD ngày 19/01/2026; 2485/TT-BQLDA ngày 23/10/2025	268.093	268.093			268.093	268.093	268.093	268.093	268.093		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đầu tư cải tạo, chỉnh trang khuôn viên khu di tích danh thắng Nhị - Tam Thanh nhằm cụ thể hóa quy hoạch chi tiết phường Tam Thanh, bảo vệ ranh giới di tích, khai thác tiềm năng du lịch, chỉnh trang cảnh quan quanh thể Nhị Thanh - Tam Thanh - Thành Nhà Mạc, nâng cao hạ tầng, tạo không gian xanh thân thiện, phát huy giá trị di tích và thu hút du khách	Dự án dự kiến giai đoạn 2021-2025 chưa triển khai thực hiện do huy đát, đã sẵn sàng về quy hoạch, kế hoạch	
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		1		1		279.982	279.682	300	-	294.936	279.982	-	279.982	279.982	-				
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1		1		279.982	279.682	300	-	294.936	279.982	-	279.982	279.982	-				
	Danh mục dự án khác		1		1		279.982	279.682	300	-	294.936	279.982	-	279.982	279.982	-				
1	Đầu tư xây dựng cơ sở mới Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	B	phường Đồng Kinh	30.157m2 gồm: 02 khối nhà lợp học, nhà hành chính, hội trường, nhà đa năng,.. Hạng mục phụ trợ	2027-2030	826/QĐ-UBND ngày 08/5/2026	279.982	279.682	300		294.936	279.982	279.982	279.982	279.982		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đầu tư xây dựng cơ sở mới Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ đạt chuẩn mức 2 theo Đề án 09-ĐA/TU ngày 18/7/2023 của Tỉnh uỷ Lạng Sơn về việc phê duyệt đề án Xây dựng Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ đạt chuẩn giai đoạn 2023 - 2031. Đầu tư cơ sở vật chất mới và trang thiết bị hiện đại, tạo điều kiện để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	Bổ trí chuẩn bị đầu tư bằng vốn GD 2021-2025 (NSDP: 1 tỷ đồng)	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bỏ trị vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Phân bổ chi tiết kỳ này (Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12/6/2026)	Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho các khoản					
																Tổng số				Trong đó:	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15			16	17	án	18		
VII	Quốc phòng		1	1	1		90.400	90.400	-	-	90.000	90.000	-	90.000	90.000	-					
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1	1	1		90.400	90.400	-	-	90.000	90.000	-	90.000	90.000	-					
1	Dự án rà phá bom mìn giai đoạn 2026-2030	B	toàn tỉnh	Khoảng 1.000 ha	2026-2029	2851/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	90.400	90.400			90.000	90.000			90.000	90.000	Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn	Thu hẹp diện tích ô nhiễm bom mìn, mở rộng không gian phát triển an toàn cho người dân; góp phần giảm thiểu tai nạn, bảo đảm an toàn cho nhân dân; đưa đất đai trở lại an toàn phục vụ cho nhân dân sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, tuần tra bảo vệ biên giới, quy tập hài cốt liệt sĩ. Theo Kế hoạch Bộ Quốc phòng hiện nay còn khoảng 30.800 ha chưa rà phá bom mìn.			
VIII	Đổi ứng dự án ODA		2	2			3.060.335	899.117	-	-	2.660.001	789.181	-	789.181	-	789.181					
a	Xã hội		1	1			1.442.000	366.452	-	-	1.041.666	256.516	-	256.516	-	256.516					
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1	1			1.442.000	366.452	-	-	1.041.666	256.516	-	256.516	-	256.516					
	Nhóm công trình ưu tiên số 1		1	1			1.442.000	366.452	-	-	1.041.666	256.516	-	256.516	-	256.516					
1	Nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu cho hạ tầng, cải thiện môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn (vốn vay AFD).	B	tỉnh Lạng Sơn	Hợp phần 1: phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực thích ứng và phát triển bền	2028-2031		1.442.000	366.452			1.041.666	256.516			256.516	256.516	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đổi ứng dự án ODA đang đề xuất. Nâng cao và nhân rộng năng lực chống chịu biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn	Điều chỉnh theo tiến độ ký kết Hiệp định vay		
b	Giao thông		1	1			1.618.335	532.665	-	-	1.618.335	532.665	-	532.665	-	532.665					
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1	1			1.618.335	532.665	-	-	1.618.335	532.665	-	532.665	-	532.665					
1	Dự án Nâng cấp giao thông địa phương hiệu quả và thích ứng biến đổi khí hậu (REPTIP) - tỉnh Lạng Sơn	B	tỉnh Lạng Sơn		2028-2031	123/TTtr-SXD ngày 24/6/2025	1.618.335	532.665			1.618.335	532.665			532.665	532.665	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Đổi ứng dự án ODA đang đề xuất. Đáp ứng nhu cầu đi lại, nâng cao và nhân rộng năng lực chống chịu biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn	Điều chỉnh theo tiến độ ký kết Hiệp định vay		
IX	Khu công nghiệp và khu kinh tế		3	3	3	-	833.840	833.440	256.088	255.688	577.452	577.452	-	577.452	577.452	-					
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		3	3	3		833.840	833.440	256.088	255.688	577.452	577.452	-	577.452	577.452	-					
1	Mở rộng đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 của khẩu quốc tế Hữu Nghị	B	xã Hoàng Văn Thụ	Điểm đầu Km0 tại đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc, khu vực Mốc 1088/2 - 1089; điểm cuối tại Bến xe Tân Thanh. Tốc độ thiết kế Vtk = 50km/h.	2025-2026	645/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 1909/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	535.912	535.912	100.300	100.000	435.612	435.612			435.612	435.612	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bảo đảm hoàn thiện đồng bộ cơ sở vật chất thực hiện Đề án thi điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cấp cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) – Hữu Nghị Quan (Trung Quốc); góp phần xây dựng cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị trở thành “cửa khẩu kiểu mẫu”, cửa khẩu đường bộ tiên tiến nhất ASEAN phát triển dựa trên ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống giao thông đường bộ hiện đại. Dự án được thực hiện sẽ đảm bảo nhu cầu cơ sở vật chất, các điều kiện làm việc, sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên, người lao động các lực lượng chức năng tại khu vực đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá mốc 1088/2-1089 trong khi thực hiện nhiệm vụ, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên hệ, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu qua đường chuyên dụng.	Dự án đã khởi công năm 2025, chuyển sang chuyển tiếp		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bỏ tri vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030						Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó						
							Phân bổ chi tiết kỳ này (Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12/6/2026)	Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa chia phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho các địa phương													
								Tổng số							Trong đó:	Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15			16	17	18	18		
2	Đầu tư xây dựng nhà làm việc liên ngành cho các lực lượng chức năng tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá mốc 1088/2-1089	B	khv vực Cửa Khẩu Tân Thanh	Xây dựng 01 nhà làm việc liên ngành cao 05 tầng, 01 nhà công vụ + nhà ăn cao 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2025-2026	644/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 1011/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	123.190	122.890	30.000	30.000	92.890	92.890		92.890	92.890		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bảo đảm hoàn thiện đồng bộ cơ sở vật chất thực hiện Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cấp cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) – Hữu Nghị Quan (Trung Quốc); góp phần xây dựng cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị trở thành “cửa khẩu kiểu mẫu”, cửa khẩu đường bộ tiên tiến nhất ASEAN phát triển dựa trên ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống giao thông đường bộ hiện đại. Dự án được thực hiện sẽ đảm bảo nhu cầu cơ sở vật chất, các điều kiện làm việc, sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên, người lao động các lực lượng chức năng tại khu vực đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá mốc 1088/2-1089 trong khi thực hiện nhiệm vụ, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên hệ, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu qua đường chuyên dụng.	Dự án đã khởi công năm 2025, chuyển sang chuyển tiếp		
3	Mở rộng đường vận chuyển hàng hoá chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	B		704m đường 54m	2023-2026	39/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 1299/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	174.738	174.638	125.788	125.688	48.950	48.950		48.950	48.950		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Nâng cao năng lực thông thương, đáp ứng nhu cầu vận tải xuất nhập khẩu hàng hóa, đảm bảo vai trò là đầu mối giao thông, thương mại, đối ngoại quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc và các nước Đông Nam Á; góp phần tăng kim ngạch xuất nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, thực hiện mục tiêu tập trung phát triển nhanh kinh tế cửa khẩu, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021- 2025.	TMDT tại QĐ đầu tư giám 55,761 tỷ đồng tại so với CTDT		

BIỂU I.3a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC PHÂN BỐ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CỤ THỂ (NGOÀI NGUỒN VỐN PHÂN BỐ THEO NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC) THUỘC DANH MỤC DỰ ÁN CÓ Ý NGHĨA PHÁT TRIỂN KTXH NHANH, BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HDND tỉnh cho ý kiến				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Đủ điều kiện phân bổ trung hạn	Chưa đủ điều kiện phân bổ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19
	TỔNG SỐ (Dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững)		7		4		14.156.740	13.831.375	-	-	13.835.775	10.531.375	200.000	10.331.375			
I	Giao thông		1		1		12.868.000	12.867.000	-	-	12.867.000	9.567.000	-	9.567.000			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1		1		12.868.000	12.867.000	-	-	12.867.000	9.567.000	-	9.567.000			
1	Đường liên vùng kết nối từ QL.1B đến Khu công nghiệp Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	A	tỉnh Lạng Sơn	143,6km, quy mô đường cấp III, gồm 05 đoạn tuyến Tuyến chính: 79km, các đoạn nhánh: 64,6km	2027-2030	446/TTg-BQLDAGT ngày 30/7/2026	9.568.000	9.567.000			9.567.000	9.567.000		9.567.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Tạo mạng lưới kết nối hoàn chỉnh, liên vùng giữa các khu vực động lực phát triển của tỉnh, cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp xanh, gắn với phát triển các tuyến hành lang kinh tế liên vùng khu vực phía Tây của tỉnh (vùng phát triển nông lâm nghiệp, kinh tế xanh, du lịch) với vùng phía Đông Nam (vùng kinh tế động lực về công nghiệp, đô thị, logistics) thuộc Quy hoạch tỉnh, góp phần tăng cường kết nối liên vùng giữa tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, tạo thành một trục giao thông hoàn chỉnh phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, thương mại, logistics rút ngắn thời gian vận chuyển (ước giảm khoảng 50–60%) và chi phí logistics (ước giảm khoảng 25–30%), gia tăng sức hấp dẫn đầu tư vào Khu công nghiệp Hữu Lũng và các khu, cụm công nghiệp lân cận; giảm tải áp lực cho QL.1, giảm thời gian di chuyển từ Bắc Ninh – Lạng Sơn - Thái Nguyên; mở rộng không gian phát triển du lịch khu vực Bắc Sơn – Hữu Liên, kết nối các điểm thuộc trục Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; củng cố khu vực phòng thủ, bảo vệ địa bàn chiến lược biên giới của tỉnh Lạng Sơn và Quân khu 1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.243 và Mỏ Nhài - Ngã Hai chuyển sang
III	Khoa học, công nghệ		1				150.000	145.800	-	-	150.000	145.800	-	145.800			KHCN, CSD
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1				150.000	145.800	-	-	150.000	145.800	-	145.800	-		
	Danh mục bổ sung, ưu tiên theo kết luận		1				150.000	145.800	-	-	150.000	145.800	-	145.800			
1	Đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực hoạt động khoa học công nghệ tại Trung tâm khoa học và Công nghệ Lạng Sơn	B	tỉnh Lạng Sơn	Đầu tư Nhà xưởng sản xuất, thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ	2027-2030	213/TB-HĐĐTĐ ngày 14/7/2026	150.000	145.800			150.000	145.800		145.800	Sở Khoa học và Công nghệ	Quy mô sản phẩm đầu ra dự kiến (ước tính theo công suất thiết bị Đề án VPM 04/2026): SP-A: 5-8 triệu lít cao/nước sâm cô đặc/năm (dựa trên công suất Aseptic 3.000 kg/h × thời gian vận hành); SP-B: 200-300 tấn bột sâm/thảo dược thăng hoa/năm (dựa trên công suất 500 kg/mé × 02 máy × số mé/năm); SP-C: 8-12 triệu cốc thạch đen Retort/năm (dựa trên công suất 2.880 cốc/mé Retort); Tổng doanh thu thương mại dự kiến: ≥ 200-300 tỷ đồng/năm khi vận hành ổn định từ năm 2031; Đồng thời nâng cao năng suất chế biến nông sản từ thủ công sang công nghiệp công nghệ cao, đóng góp gián tiếp vào TFP của tỉnh (mục tiêu từ 41% trở lên)	
IV	Công nghệ thông tin		5		3		1.138.740	818.575	-	-	818.775	818.575	200.000	618.575			KHCN, CSD
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		5		3		1.138.740	818.575	-	-	818.775	818.575	200.000	618.575	-		
	Danh mục bổ sung, ưu tiên theo kết luận		5		3		1.138.740	818.575	-	-	818.775	818.575	200.000	618.575			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Phương án sử dụng số vốn còn lại chưa chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 (theo Công văn số 871/TTg-KTTH) HĐND tỉnh cho ý kiến				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Đủ điều kiện phân bổ trung hạn	Chưa đủ điều kiện phân bổ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19
1	Dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.	B	tỉnh Lạng Sơn	- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center), bổ sung hệ thống lưu trữ, hệ thống máy chủ xử lý. - Nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh và Phần mềm phân tích mô hình AI/ML.	2026-2029	678/QĐ-UBND ngày 13/4/2026	200.200	200.000			200.200	200.000	200.000		Sở Khoa học và Công nghệ	Phát triển nền tảng quản trị dữ liệu tập trung, vận hành đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu, phân tích, chia sẻ, khai thác hiệu quả và đảm bảo liên thông giữa các hệ thống của tỉnh với nền tảng dữ liệu quốc gia (NDXP). Phát triển hệ thống dữ liệu mở và liên thông dữ liệu liên ngành, phục vụ minh bạch hóa, giám sát, đánh giá và đổi mới sáng tạo, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế số. Đảm bảo an toàn thông tin và chủ quyền số, kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia, triển khai giám sát, tuân thủ các quy định của Luật An ninh mạng và các tiêu chuẩn ISO/IEC 27001.	
2	Trung tâm điều hành an ninh mạng tỉnh Lạng Sơn	B	tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống an toàn an ninh mạng	2026-2028		183.821	183.821			183.821	183.821		183.821	Công an tỉnh	Tổ chức giám sát, bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, bảo vệ BMNN trên không gian mạng cho toàn bộ hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; đảm bảo an toàn, hiệu quả quá trình triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia tỉnh LS; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của lực lượng CA trong đảm bảo ANQG, TTATXH trên không gian mạng	
3	Dự án chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đối với khu vực tỷ lệ 1/500 và 1/1.000	B	tỉnh Lạng Sơn	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính, CSDL đất đai tập trung, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về đất đai	2026-2029	395/TT-SNNMT ngày 14/7/2026	455.965	136.000			136.000	136.000		136.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Để đảm bảo CSDL đất đai được hoàn thiện đủ - sạch - sống đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu vận hành, kết nối, tích hợp, chia sẻ khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, nhằm bảo đảm kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật đất đai cần phải cấp bách chính lý biến hệ thống hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính, CSDL đất đai trên địa bàn 60 xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn sau sắp xếp đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương hai cấp. Đảm bảo dữ liệu khi kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	
4	Trang bị hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ Bệnh án điện tử cho 14 đơn vị Y tế trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Đầu tư trang bị hạ tầng công nghệ thông tin tại 14 đơn vị y tế công (04 bệnh viện tuyến tỉnh và 10 Trung tâm Y tế khu vực)	2027-2029	448/BC-SYT ngày 17/7/2026	183.774	183.774			183.774	183.774		183.774	Sở Y tế	Tối ưu hóa nguồn lực tài chính, bảo vệ lực lượng lao động. CSDL tạo nền tảng để phát triển các dịch vụ y tế thông minh	
5	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu thông minh ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn	B	tỉnh Lạng Sơn	Xây dựng kiến trúc tổng thể, dữ liệu dùng chung, nền tảng tích hợp, công nghệ thông tin, phần mềm nghiệp vụ cốt lõi, dashboard và an toàn thông tin. Các hạng mục camera, IoT, WiFi, kiosk, công kiểm soát, thiết bị trải nghiệm và dịch vụ số.	2027-2030	208/TT-SVHTTDL ngày 07/6/2026	114.980	114.980			114.980	114.980		114.980	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tối ưu hóa hoạt động và quản lý, từ đó tạo ra giá trị mới, tăng hiệu quả, năng suất và tính cạnh tranh, hướng đến phát triển bền vững; phát triển hạ tầng số chiến lược của ngành Du lịch tỉnh, góp phần nâng cao trải nghiệm du khách, tăng cường hiệu quả quản lý, hỗ trợ xúc tiến quảng bá và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững theo định hướng chuyển đổi số toàn diện.	Dự án đã cơ bản hoàn thiện hồ sơ, thực hiện độc lập

BIỂU 1.4

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TƯ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYÊN VỆ
(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		14				700.276	685.376	482.599	482.599	160.318	160.318		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		9				354.294	339.394	198.873	198.873	140.312	140.312		
I	Giao thông		3				51.361	51.361	41.767	41.767	7.101	7.101		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				4.221	4.221	3.918	3.918	138	138		
1	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông vào thôn Tăng Khảm, xã Hoàng Đồng	C	P.Tam Thanh	Giao thông cấp IV	2023-2025	2257/QĐ-UBND ngày 19/9/2023; 1605a/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	4.221	4.221	3.918	3.918	138	138	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		2				47.140	47.140	37.849	37.849	6.963	6.963		
1	Nút giao thông số 7A, khu đô thị Phú Lộc IV	C	P.Đông Kinh	Công trình giao thông cấp IV	2021-2026	1037/QĐ-UBND ngày 06/5/2022; QĐ số 3194/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	23.652	23.652	21.093	21.093	230	230	UBND phường Đông Kinh	
2	Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp Nhà ở xã hội 2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liền kề, thành phố Lạng Sơn	C	P.Đông Kinh	Giao thông cấp IV	2021-2026	Số 3628/QĐ-UBND ngày 28/9/2021; số 2903/QĐ-UBND ngày 29/11/2024; 2745/QĐ-UBND ngày 21/12/2025	23.488	23.488	16.756	16.756	6.733	6.733	UBND phường Đông Kinh	
II	Giáo dục đào tạo, nghề nghiệp		1				94.629	94.629	25.000	25.000	69.629	69.629		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				94.629	94.629	25.000	25.000	69.629	69.629		
1	Xây mới trường Tiểu học Chi Lăng 2				2025-2027	1458/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	94.629	94.629	25.000	25.000	69.629	69.629	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
III	Văn hoá-Xã hội		1				73.577	73.577	62.315	62.315	1.062	1.062		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				73.577	73.577	62.315	62.315	1.062	1.062		
1	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên hồ Phai Loạn	C	P.Tam Thanh	HTKT cấp IV	2021-Quý III/2025	3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 411/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; 2135/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	73.577	73.577	62.315	62.315	1.062	1.062	UBND phường Đông Kinh	
V	Hạ tầng - Đô thị		4				134.727	119.827	69.791	69.791	62.520	62.520		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				29.800	14.900	23.783	23.783	3.431	3.431		
1	Hệ thống thoát nước cho khu đô thị mới phía Đông thành phố Lạng Sơn	C	Phường Đông Kinh	Công trình hạ tầng KT (Thoát nước cấp 2)	2021-2023	Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	29.800	14.900	23.783	23.783	3.431	3.431	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		3				104.927	104.927	46.008	46.008	59.089	59.089		
1	Khu tái định cư Phú Lộc IV - Điểm tái định cư tiếp giáp nút giao thông số 4	C	P. Kỳ Lừa	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2013-tháng 6/2024	155/QĐ-UBND ngày 18/01/2022; 437/QĐ-UBND ngày 16/3/2024	40.167	40.167	19.262	19.262	20.905	20.905	UBND phường Đông Kinh	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trần Quang Khải, phường Chi Lăng	C	P.Lương Văn Tri	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2021-2026	QĐ số 1401/QĐ-UBND ngày 22/4/2019;QĐ số 4130/QĐ-UBND ngày 05/11/2021; QĐ số 1581/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	35.062	35.062	23.766	23.766	11.296	11.296	UBND phường Đông Kinh	
3	Tiểu khu tái định cư khối 9, phường Vĩnh Trại	C	P.Đông Kinh	Công trình hạ tầng KT cấp 4	2019-2025	4102/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1740/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	29.698	29.698	2.980	2.980	26.888	26.888	UBND phường Đông Kinh	

B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		5				345.982	345.982	283.726	283.726	20.006	20.006		
I	Giao thông		1				26.526	26.526	21.527	21.527	3.785	3.785		
(1)	Dự án chuyển tiếp		1				26.526	26.526	21.527	21.527	3.785	3.785		
1	Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài)	C	P.Đông Kinh	Công trình giao thông, cấp IV	2018 - 2026	QĐ số 2534/QĐ-UBND ngày 12/12/2018; QĐ số 566/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; QĐ số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	26.526	26.526	21.527	21.527	3.785	3.785	UBND phường Đông Kinh	
II	Văn hoá-Xã hội		1				216.335	216.335	169.415	169.415	1.669	1.669	UBND phường Đông Kinh	
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				216.335	216.335	169.415	169.415	1.669	1.669		
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (Đoạn từ cầu Đông Kinh đến khách sạn Đông Kinh)	B	P. Đông Kinh	Hạ tầng kỹ thuật	2021-Quý II/2026	32/NQ-HĐND ngày 14/12/2020; 1354/QĐ-UBND ngày 10/7/2021; 1842/UBND-KT ngày 29/11/2024	216.335	216.335	169.415	169.415	1.669	1.669	UBND phường Đông Kinh	
III	Hạ tầng - Đô thị		3				103.121	103.121	92.784	92.784	14.552	14.552		
(1)	Dự án chuyển tiếp		3				103.121	103.121	92.784	92.784	14.552	14.552		
1	Tiểu khu tái định cư khối 2, phường vĩnh trại, thành phố Lạng Sơn	C	P. Đông Kinh	HTKT	2004-2025	1924/QĐ-UB-XD ngày 08/12/2004; QĐ số 1969/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	68.202	68.202	68.281	68.281	721	721	UBND phường Đông Kinh	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư Mỹ Sơn	C	P.Đông Kinh	công trình hạ tầng KT cấp 4	2021-2026	1992/QĐ-UBND ngày 20/9/2020; 3067/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	29.946	29.946	20.181	20.181	10.561	10.561	UBND phường Đông Kinh	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 9, phường Vĩnh Trại (Ao Cạn - Bãi Than)	C	P.Đông Kinh	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2021-2026	3207/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; 3587/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 3044/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; 1617/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	4.973	4.973	4.322	4.322	3.270	3.270	UBND phường Đông Kinh	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYÊN VỀ														
(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)														
Đơn vị: Triệu đồng														
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		29			0	129.330	129.330	53.614	53.614	37.251	37.251		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		29				129.330	129.330	53.614	53.614	37.251	37.251		
I	Giao thông		13				69.113	69.113	36.587	36.587	15.776	15.776		
(2)	Dự án chuyển tiếp		13				69.113	69.113	36.587	36.587	15.776	15.776		
1	Đường Nà Nùng - Pò Tang, xã Hợp Thành	C	phường Kỳ Lừa			1783/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 (ĐC)	9.000	9.000	5.450	5.450	3.550	3.550	UBND xã Đồng Đăng	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 21 Bản Ngõa, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			567/QĐ-UBND ngày 03/2/2021	15.499	15.499	11.800	11.800	3.699	3.699	UBND xã Đồng Đăng	
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km2+600, đường tỉnh ĐT.234	C	phường Kỳ Lừa			915/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	4.478	4.478	4.253	4.253	225	225	UBND xã Đồng Đăng	
4	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0 - Km2 ĐH 24 (Cao Lộc - Lộc Yên - Đông Nội) huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa			1779/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 (PDDC 1913/QĐ-UBND ngày 12/6/2022)	5.600	5.600	5.272	5.272	328	328	UBND xã Đồng Đăng	
5	Đường Chục Pính - Khau Khe, xã Bình Trung năm 2024	C	xã Khánh Khê			2644/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	2.136	2.136	900	900	1.236	1.236	UBND xã Đồng Đăng	
6	Đường Nà Ca - Bản Tàn, xã Xuân Long	C	xã Khánh Khê			3665/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.500	1.500	1.431	1.431	69	69	UBND xã Đồng Đăng	
7	Đường từ QL 1B - Nà Hốc, xã Bình Trung	C	xã Khánh Khê			1017/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	3.800	3.800	1.899	1.899	1.901	1.901	UBND xã Đồng Đăng	
8	Xây dựng đường Co Lòi - Khuổi Phiêng-Khuổi Đeng, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			1010/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	3.800	3.800	2.812	2.812	988	988	UBND xã Đồng Đăng	
11	Đường Pò Nhùng - Khau khe, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc (Giai đoạn 2)	C	xã Đồng Đăng			3270/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	5.000	5.000	1.670	1.670	3.330	3.330	UBND xã Đồng Đăng	
12	Đường nội thị Đồng Đăng, nhánh Bưu điện - Pắc Mật, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng				13.000	13.000	-	-	300	300	UBND xã Đồng Đăng	ĐA vướng GPMB, Thanh toán GD CBĐT
13	Đường Pò nghiều - Phú xá - Hồng Phong (ĐH 26), huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng			2483/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 (CT)	5.300	5.300	1.100	1.100	150	150	UBND xã Đồng Đăng	Dừng TH, chỉ thanh toán CP Tư vấn
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		7				27.036	27.036	9.364	9.364	17.672	17.672		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				2.100	2.100	2.055	2.055	45	45		
1	Trường MN Ba Sơn, xã Xuất Lễ huyện Cao Lộc	C	xã Ba Sơn			1514/QĐ-UBND ngày 25/8/2024	2.100	2.100	2.055	2.055	45	45	UBND xã Đồng Đăng	
(2)	Dự án chuyển tiếp		6				24.936	24.936	7.309	7.309	17.627	17.627		
1	Trường THCS xã Hải Yến, huyện Cao Lộc. HM: Phòng hội đồng, truyền thống nhà kho, nhà vệ sinh giáo viên	C	xã Công Sơn			624/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 (QT)	1.187	1.187	1.081	1.081	106	106	UBND xã Đồng Đăng	
2	Trường mầm non thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng			3315/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	2.758	2.758	2.300	2.300	458	458	UBND xã Đồng Đăng	
3	Trường mầm non xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc	C	phường Đồng Kinh			3306/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.991	1.991	1.524	1.524	467	467	UBND xã Đồng Đăng	

4	Bổ sung một số hạng mục trường Mầm non xã Hải Yến, huyện Cao Lộc	C	xã Công Sơn		727/QĐ-UBND ngày 26/2/2025	5.800	5.800	274	274	5.526	5.526	UBND xã Đồng Đăng	
5	Bổ sung một số hạng mục trường TH và THCS xã Bình Trung, Huyện Cao Lộc	C	xã Khánh Khê		1296/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	2.700	2.700	189	189	2.511	2.511	UBND xã Đồng Đăng	
6	Bổ sung một số hạng mục Trường Tiểu học & THCS xã Hòa Cư năm 2025 huyện Cao Lộc	C	xã Công Sơn		138/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 (CT)	10.500	10.500	1.941	1.941	8.559	8.559	UBND xã Đồng Đăng	
III	Thể dục thể thao		2			7.800	7.800	259	259	26	26		
(2)	Dự án chuyển tiếp		2			7.800	7.800	259	259	26	26		
1	San ủi mặt bằng Xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao xã Phú Xá	C	xã Đồng Đăng		1310/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.000	5.000	113	113	20	20	UBND xã Đồng Đăng	Dừng thực hiện, còn trả CP tư vấn
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm văn hoá Thể thao và truyền thông huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa		142/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 (CT)	2.800	2.800	146	146	6	6	UBND xã Đồng Đăng	
IV	Các hoạt động kinh tế		4			9.154	9.154	5.672	5.672	3.482	3.482		
(2)	Dự án chuyển tiếp		4			9.154	9.154	5.672	5.672	3.482	3.482		
1	Trạm biến áp Điện thôn Hợp Tân, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa		1559/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	2.000	2.000	1.739	1.739	261	261	UBND xã Đồng Đăng	
2	Ngâm tràn Nà Pinh bắc qua sông kỳ cùng nối 02 xã Tân Liên và Gia Cát, huyện Cao Lộc	C	Phường Kỳ Lừa		1134/QĐ-UBND ngày (ĐC)	4.000	4.000	2.500	2.500	1.500	1.500	UBND xã Đồng Đăng	
3	Cầu Nà Soong	C	phường Kỳ Lừa		3428/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1.154	1.154	283	283	871	871	UBND xã Đồng Đăng	
4	Xây dựng Mương Vằng Tào, Thôn Bán Sâm, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa		1166/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	2.000	2.000	1.150	1.150	850	850	UBND xã Đồng Đăng	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).		2			1.427	1.427	1.282	1.282	145	145		
(2)	Dự án chuyển tiếp		2			1.427	1.427	1.282	1.282	145	145		
1	San lấp và giải phóng mặt bằng Trụ sở Công an xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	C	xã Đồng Đăng			675	675	530	530	145	145	UBND xã Đồng Đăng	
2	San lấp và giải phóng mặt bằng Trụ sở Công an xã Tân Thành, huyện Cao Lộc	C	xã Tân Đoàn			752	752	752	752	-	-	UBND xã Đồng Đăng	
VI	Văn hóa thông tin		1			14.800	14.800	450	450	150	150		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1			14.800	14.800	450	450	150	150		
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Vườn cây ăn quả Bác Hồ, khối 5, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa		32/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	14.800	14.800	450	450	150	150	UBND xã Đồng Đăng	Đang thực hiện thủ tục dừng thực hiện DA, chi còn trả tư vấn
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)					-	-	-	-	-	-		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	TỔNG SỐ		5			0	100.084	80.084	24.387	24.390	55.656	55.656				
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		4				94.025	74.025	20.495	20.498	53.489	53.489				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		3				36.025	16.025	9.430	9.433	6.554	6.554				
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				15.025	15.025	9.430	9.433	5.554	5.554				
1	Trường Mầm non thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lộc Bình	Xây mới	2024-2025	3539/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	7.125	7.125	4.224	4.224	2.863	2.863	UBND xã Lộc Bình			
2	Trường TH Sân Viên I, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lợi Bắc	Xây mới	2024-2025	3409/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	7.900	7.900	5.206	5.209	2.691	2.691	UBND xã Lộc Bình			
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				21.000	1.000	-	-	1.000	1.000				
1	Trường Trung học cơ sở thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Na Dương	Xây mới	2025-2026	1046/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	21.000	1.000			1.000	1.000	UBND xã Lộc Bình			
III	Công trình công cộng tại các đô thị		1				58.000	58.000	11.065	11.065	46.935	46.935				
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				58.000	58.000	11.065	11.065	46.935	46.935				
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu định cư và dân cư Bệnh viện, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	C	Xã Lộc Bình	Tái định cư	2021-2025	1225/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	58.000	58.000	11.065	11.065	46.935	46.935	UBND xã Lộc Bình			
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		1				6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167				
III	Bảo vệ môi trường		1				6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167				
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167	UBND xã Lộc Bình			
1	Bãi đổ thải vật liệu xây dựng	C	Xã Lộc Bình	Bãi đổ thải	2023-2024	6164/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.059	6.059	3.892	3.892	2.167	2.167	UBND xã Lộc Bình			

BIỂU 2b
KE HOẠCH ĐẦU TƯ VON NGAN SACH ĐỊA PHƯƠNG NAM 2026 BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TƯ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SÁP XẾP) CHUYỂN VỀ
Xã.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lấy kế bổ trí vốn đến hết KH năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-		Số hựt thu năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Chữ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	(tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	(tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14				15	16	19	20
	TỔNG SỐ		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-		
A	VON ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-		
B	Hựt thu sử dụng đất năm 2025		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ					0	59.032	58.132	8.435	7.355	50.509	50.509		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		4				9.032	8.132	7.435	6.355	1.509	1.509		
I	Giao thông		3				3.492	2.592	2.080	1.000	1.307	1.307		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		3				3.492	2.592	2.080	1.000	1.307	1.307		
1	Sửa chữa tuyến đường trục thôn Làng Mỏ, đoạn từ Quốc lộ 1 vào Đình Làng Mỏ, huyện Chi Lăng	C	xã Chi Lăng		2024	5007/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	1.187	287	900		287	287	UBND xã Chi Lăng	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 88	C	xã Vạn Linh		2025	5235/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	2.000	2.000	1.000	1.000	1.000	1.000	UBND xã Chi Lăng	
3	Đường Quán Hàng, thôn Lạng Giai A	C	xã Nhân Lý		2023	1944/QĐ-UBND ngày 04/5/2023, UBND huyện Chi Lăng	305	305	180		20	20	UBND xã Chi Lăng	
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).		1				5.540	5.540	5.355	5.355	202	202		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.540	5.540	5.355	5.355	202	202		
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, phòng làm việc công an xã Thường Cường, Gia Lộc, huyện Chi Lăng	C	xã Bằng Mạc		2020	QT 5131/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	319	319	315	315	5	5	UBND xã Chi Lăng	
2	Sửa chữa trụ sở Huyện uỷ Chi Lăng	C	xã Chi Lăng		2016	718/QĐ/UBND tỉnh ngày 06/5/2016	5.221	5.221	5.040	5.040	198	198	UBND xã Chi Lăng	
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		1				50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000		
II	Công trình công cộng tại các đô thị		1				50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000		

1	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung Than Muội	C	xã Chi Lăng		2025- 2027	5373/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	50.000	50.000	1.000	1.000	49.000	49.000	UBND xã Chi Lăng	CT có KHV năm 2026: 20 tỷ được giao tại QĐ 2688/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn
---	--	---	-------------	--	---------------	---------------------------------	--------	--------	-------	-------	--------	--------	---------------------	--

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		4			0	77.665	77.665	29.636	29.636	44.362	44.362		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		4				77.665	77.665	29.636	29.636	44.362	44.362		
I	Giao thông		1				3.228	3.228	887	887	841	841		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				3.228	3.228	887	887	841	841		
1	Ngầm trần Ngôi sao Hoàng Mai - Minh Lễ tại xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng	C	Xã Văn Nham		2025 - 2026	2004/QĐ-UBND, 05/5/2025	3.228	3.228	887	887	841	841	UBND xã Hữu Lũng	Vốn nhà tài trợ: 1.500 triệu đồng
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		3				35.577	35.577	20.749	20.749	12.661	12.661		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.838	5.838	3.500	3.500	1.300	1.300		
1	Trường THCS 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tuấn Sơn	Xây dựng 06 phòng học bộ môn và hạng mục phụ trợ khác	2024- 2026	7343/QĐ-UBND, 16/10/2024	5.838	5.838	3.500	3.500	1.300	1.300	UBND xã Hữu Lũng	
(2)	Dự án chuyển tiếp		2				29.740	29.740	17.249	17.249	11.361	11.361		
1	Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tuấn Sơn	Xây dựng nhà 08 phòng học; Nhà 06 phòng bộ môn +02 phòng phục vụ học tập, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ	2024- 2026	7239/QĐ-UBND, 08/10/2024	17.240	17.240	13.200	13.200	2.910	2.910	UBND xã Hữu Lũng	
2	Trường Tiểu học xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng	C	Xã Tân Thành	Xây dựng nhà 3 tầng 15 phòng học; Diện tích xây dựng khoảng 653m2 và các hạng mục phụ trợ tổng diện tích sàn 1.759m2	2024- 2026	2374/QĐ-UBND, 10/6/2024	12.500	12.500	4.049	4.049	8.451	8.451	UBND xã Hữu Lũng	
III	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)						38.860	38.860	8.000	8.000	30.860	30.860		
(2)	Dự án chuyển tiếp					3053/QĐ-UBND, 25/6/2025	38.860	38.860	8.000	8.000	30.860	30.860		
1	Khu dân cư xã Hòa Sơn	C	Xã Tân Thành	3,15ha	2024 - 2026	3053/QĐ-UBND, 25/6/2025	38.860	38.860	8.000	8.000	30.860	30.860	UBND xã Hữu Lũng	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		17				59.611	59.111	42.963	42.463	16.138	16.138		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		12				38.911	38.911	31.332	31.332	5.420	5.420		
I	Giao thông		4				11.990	11.990	9.668	9.668	1.460	1.460		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		4				11.990	11.990	9.668	9.668	1.460	1.460		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM Nà Lặng , xã Tân Mỹ - Lũng Ngò, xã Hồng Thái	C	xã Hoàng Văn Thụ		2021	số 523 ngày 2/3/2021	4.466	4.466	3.294	3.294	469	469	UBND xã Na Sầm	
2	Nâng cấp mặt đường BTXM từ đình dốc Pác Quý - Manh Dưới	C	Xã Thụy Hùng		2021	số 569 ngày 9/3/2021	3.800	3.800	3.024	3.024	696	696	UBND xã Na Sầm	
3	Mở mới Đường Nà Trỏ - Bản Mới thôn Nà Kéo Mới	C	xã Hoàng Văn Thụ		2021	số 529 ngày 9/3/2021	2.197	2.197	2.000	2.000	144	144	UBND xã Na Sầm	
4	Nâng cấp mặt đường BTXM vào thôn Co Tào (giai đoạn 2), xã Hội Hoan	C	xã Hội Hoan		2021	số 842 ngày 17/3/2022	1.527	1.527	1.350	1.350	151	151	UBND xã Na Sầm	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		2				10.644	10.644	6.987	6.987	3.295	3.295		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				10.644	10.644	6.987	6.987	3.295	3.295		
1	Bổ sung CSVC Trường THCS xã Tân Mỹ	C	xã Hoàng Văn Thụ		2025	Số 2978, ngày 18/12/2024	3.644	3.644	3.610	3.610	33	33	UBND xã Na Sầm	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học xã Tân Thanh	C	xã Hoàng Văn Thụ		2024-2025	Số 2098 ngày 23/9/2024	7.000	7.000	3.377	3.377	3.262	3.262	UBND xã Na Sầm	Đã giao vốn tại QĐ 2688
III	Quản lý hành chính		4				14.828	14.828	13.527	13.527	607	607		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		4				14.828	14.828	13.527	13.527	607	607		
1	Trụ sở UBND xã Trùng Khánh	C	xã Thụy Hùng		2019	Số 2707, ngày 24/10/2018	4.506	4.506	4.212	4.212	95	95	UBND xã Na Sầm	
2	Trụ sở UBND Thành Hòa	C	xã Văn Lãng		2021	Số 114, ngày 29/3/2021	4.723	4.723	4.565	4.565	87	87	UBND xã Na Sầm	
3	Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc Ban CHQS và UBND xã Thụy Hùng	C	xã Thụy Hùng		2023	Số 437, ngày 07/12/2022	584	584	500	500	55	55	UBND xã Na Sầm	
4	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc UBND xã Hoàng Văn Thụ	C	xã Hoàng Văn Thụ		2022	Số 660, ngày 28/02/2022	5.015	5.015	4.250	4.250	370	370	UBND xã Na Sầm	
IV	Thủy lợi		2				1.449	1.449	1.150	1.150	58	58		
(1)	Dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				1.449	1.449	1.150	1.150	58	58		
1	Nâng cấp mương thủy lợi thôn Pò Mánh (giai đoạn 2), xã Gia Miễn	C	xã Văn Lãng		2022	số 806 ngày 15/3/2022	564	564	500	500	30	30	UBND xã Na Sầm	

2	Nâng cấp, sửa chữa mương thủy lợi thôn Nà Lặng, xã Tân Việt, huyện Văn Lãng	C	xã Văn Lãng		2022	Số 2726, ngày 25/10/2018	885	885	650	650	28	28	UBND xã Na Sầm	
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		5				20.700	20.200	11.631	11.131	10.718	10.718		
I	Giao thông		2				9.086	9.086	3.647	3.647	7.510	7.510		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				9.086	9.086	3.647	3.647	7.510	7.510		
1	Nâng cấp mặt đường BTXM từ cầu Và Quang đi thôn Phiêng Luông xã Bắc La, huyện Văn Lãng	C	xã Văn Lãng		2021	Số 347, ngày 25/02/2021	1.591	1.591	1.354	1.354	103	103	UBND xã Na Sầm	
2	Hỗ trợ hạng mục nút giao giữa trục chính và trục 3 - D5 (nút giao T6) tại Km0+825,41 và gia cố giếng nước thôn Bản Chang thuộc dự án Đường giao thông Khu Phi thuế quan (giai đoạn 1) huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Hoàng Văn Thụ		2024-2026	Số 1331 ngày 01/8/2024	7.495	7.495	2.293	2.293	7.407	7.407	UBND xã Na Sầm	Điều chỉnh TMĐT dự kiến 9,7 tỷ đồng (Hụt thu vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2025)
III	Quản lý hành chính		2				3.991	3.491	2.787	2.287	782	782		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				3.991	3.491	2.787	2.287	782	782		
1	Trụ sở Công an xã Gia Miễn	C	xã Hội Hoan		2022	Số 3155, ngày 15/9/2022	2.783	2.283	2.587	2.087	83	83	UBND xã Na Sầm	
2	San lấp mặt bằng xây dựng trụ sở công an xã Bắc La	C	xã Văn Lãng		2023	Số 987, ngày 16/5/2023	1.208	1.208	200	200	699	699	UBND xã Na Sầm	
IV	Xã hội		1				7.623	7.623	5.197	5.197	2.426	2.426		
(2)	Dự án chuyển tiếp		1				7.623	7.623	5.197	5.197	2.426	2.426		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ao cạn (khu V) và khu đất ao thủy nông, (khu I), thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng	C	Xã Na Sầm		2021-2026	Số 3166, ngày 21/10/2020; Số 3159, ngày 20/10/2022	7.623	7.623	5.197	5.197	2.426	2.426	UBND xã Na Sầm	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ					0	1.819	1.819	1.075	1.075	480	480		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		2				1.819	1.819	1.075	1.075	480	480		
I	Giao thông		2				1.819	1.819	1.075	1.075	480	480		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				1.819	1.819	1.075	1.075	480	480		
1	San lấp mặt bằng để xây dựng trụ sở công an các xã (Trần Ninh, Trảng Phái, Lương Năng, Hữu Lễ), huyện Văn Quan	C	Các xã Diềm He; Tân Đoàn; Tri Lễ	- Mặt bằng trụ sở công an xã Trần Ninh: san nền là 999,94 m2. - Mặt bằng trụ sở công an xã Trảng Phái: san nền là 1.537,67 m2 - Mặt bằng trụ sở công an xã Hữu Lễ: san nền là 1.400,12 m2 - Mặt bằng trụ sở công an xã Lương Năng: 1.186,77 m2	2024-2026	2601/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	1.819	1.819	1.075	1.075	480	480	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Văn Quan	
2	Cầu Pác Đuốc, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Tri Lễ	Hệ dầm Bailey L=36,576m, B=3,72m	2024-2025	3199/QĐ-UBND ngày 15/11/2024; ĐC 1160/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	2.250	2.250	1.803	1.803	375	375	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Văn Quan	
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		0				-	-	-	-	-	-		

BIỂU 2b																							
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYÊN VỆ																							
Xã.....																							
Đơn vị: Triệu đồng																							
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lấy kế bổ tri vốn đến hết KH năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Số hựt thu năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Chú đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14				15	16	19	20				
	TỔNG SỐ		0			0	-	-	-	-	-	-	-			-	-						
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-						
B	Hựt thu sử dụng đất năm 2025		0				-	-	-	-	-	-	-			-	-						

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) CHUYỂN VỀ

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Chủ đầu tư sau sắp xếp	Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		3				42.830	28.888	36.614	24.114	1.548	1.548		
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		3				42.830	28.888	36.614	24.114	1.548	1.548		
I	Giao thông		2				37.830	23.888	34.817	22.317	498	498		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		2				37.830	23.888	34.817	22.317	498	498		
1	Đường Thanh Yên 1 – Bảo Thanh – Bản Luông (qua Thanh Yên 1, Bản Luông, Bảo Thanh), xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	C			2022-2023	3916/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	14.672	13.230	13.221	13.221	9	9	UBND xã Bắc Sơn	
2	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn	C			2023-2024	1726/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	23.158	10.658	21.596	9.096	489	489	UBND xã Bắc Sơn	
III	Ngành, lĩnh vực Văn hoá		1				5.000	5.000	1.797	1.797	1.050	1.050		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		1				5.000	5.000	1.797	1.797	1.050	1.050		
1	Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Khởi nghĩa Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	C	xã bắc Sơn		2023-2025	4620/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	5.000	5.000	1.797	1.797	1.050	1.050	UBND xã Bắc Sơn	Đã trình quyết toán; không thực hiện GPMB
B	Dự án sử dụng nguồn vốn thu từ sử dụng đất cấp huyện (trước sắp xếp)		0				-	-	-	-	-	-		

ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TỪ CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) C
(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 07/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	Dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (trước sắp xếp)		3				13.542	13.542	10.982	9.252	3.719	3.719		
1	Lĩnh vực giao thông													
2	Lĩnh vực quản lý nhà nước		1				2.530	2.530	2.530	800	1.159	1.159		
(1)	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025		1				2.530	2.530	2.530	800	1.159	1.159		
1	Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Trảng Định			xã Thất Khê	2021-2024	2813/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.530	2.530	2.530	800	1.159	1.159	UBND xã Thất Khê	
3	Lĩnh vực giáo dục		1				5.951	5.951	4.911	4.911	1.040	1.040		
(1)	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025		1				5.951	5.951	4.911	4.911	1.040	1.040		
1	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp Trường TH xã Đề Thám					3235 - 18/12/2024	5.951	5.951	4.911	4.911	1.040	1.040	UBND xã Thất Khê	Dự án còn thiếu vốn so với giá trị trình quyết toán (Dự án đang trình thẩm định quyết toán)
4	Lĩnh vực phòng, chống thiên tai		1				5.062	5.062	3.541	3.541	1.520	1.520		
(1)	Dự án hoàn thành trước 31/12/2025		1				5.062	5.062	3.541	3.541	1.520	1.520		
1	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện	C	Xã Thất Khê			2497/QĐ-UBND, 27/11/2020	5.062	5.062	3.541	3.541	1.520	1.520	UBND xã Thất Khê	